

**DỰ THẢO**  
**19.2.2017**

**LUẬT**

**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định các nguyên tắc, nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; nguồn lực, cơ chế phối hợp, giám sát và đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* là điểm truy cập trên môi trường mạng (tại địa chỉ [www.business.gov.vn](http://www.business.gov.vn)) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc liên kết các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tích hợp thông tin, dịch vụ và các ứng dụng phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. *Cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mục tiêu* là cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực

hiện, phối hợp, giám sát và đánh giá thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

4. *Cơ sở ương tạo doanh nghiệp* là cơ sở cung cấp các điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

5. *Chuỗi giá trị* là những hoạt động liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế sản phẩm, sản xuất, phân phối đến tay người tiêu dùng.

6. *Cụm liên kết ngành* là một hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành, doanh nghiệp phụ trợ và các tổ chức có liên quan cùng cạnh tranh và hợp tác.

7. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng dựa trên tài sản trí tuệ hoặc mô hình kinh doanh mới, ở giai đoạn trước khi thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường và có khả năng tăng trưởng nhanh.

8. *Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo* được hình thành từ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tương tác lẫn nhau tạo nên một môi trường thuận lợi thúc đẩy sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

9. *Khu làm việc chung dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm và cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, chia sẻ và liên kết các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

10. *Nhà đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trực tiếp hoặc thông qua các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa**

##### **Phương án 1:**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

- a. Tổng nguồn vốn của năm trước liền kề không vượt quá 100 tỷ đồng;
- b. Số lao động bình quân năm của năm trước liền kề không quá 300 người.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong từng ngành, lĩnh vực.

### **Phương án 2:**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp đáp ứng một trong ba tiêu chí sau đây:

- a. Tổng nguồn vốn của năm trước liền kề không vượt quá 100 tỷ đồng;
- b. Số lao động bình quân năm của năm trước liền kề không quá 300 người.
- c. Doanh thu của năm trước liền kề không vượt quá 100 tỷ.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong từng ngành, lĩnh vực.

### **Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đảm bảo không vi phạm nguyên tắc thị trường, không vi phạm các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ, khả năng cân đối nguồn lực nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế trong từng thời kỳ.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng các hỗ trợ cơ bản quy định tại Mục 1 Chương II của Luật này khi đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, ngoài việc được hưởng các hỗ trợ cơ bản quy định tại Mục 1 Chương II của Luật này, còn được xem xét hưởng các hỗ trợ khi đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.

4. Doanh nghiệp được lựa chọn tham gia hỗ trợ là doanh nghiệp đáp ứng tốt nhất các điều kiện trong so sánh với các doanh nghiệp khác.

5. Việc thực hiện hỗ trợ chủ yếu thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn công khai, minh bạch theo quy định.

6. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước được thực hiện theo quy định, mô hình và phương thức hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân tài trợ, không trái với quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- a. Vốn tín dụng có hỗ trợ của nhà nước.
- b. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
- c. Nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Các nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa từ nguồn ngân sách nhà nước được lập dự toán ngân sách, phê duyệt, thẩm định, dự toán, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

#### **Điều 7. Hành vi bị cấm trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được thực hiện các hành vi sau đây trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

1. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng mục tiêu hỗ trợ.
2. Quyết định hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Phân biệt đối xử, sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.
5. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực để được hưởng hỗ trợ.
6. Ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh về quy mô gây bất lợi hoặc thiệt hại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận các nguồn lực kinh doanh.

## **CHƯƠNG II**

### **NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **Mục 1. Hỗ trợ cơ bản doanh nghiệp nhỏ và vừa**

## **Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng**

1. Trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Chính phủ quyết định các cơ chế, biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện để các ngân hàng đẩy mạnh cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích ngân hàng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp cận tín dụng thông qua các cơ quan, tổ chức và cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để tư vấn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh khả thi, nâng cao năng lực quản trị, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổ chức tài chính, thực hiện chức năng bảo lãnh tín dụng, hoạt động theo những nguyên tắc sau:

- a. Vì mục tiêu lợi nhuận;
- b. Được phép phát hành trái phiếu để huy động vốn cho quỹ;
- c. Không được từ chối nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết;
- d. Bảo lãnh dựa trên tài sản bảo đảm, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, chứng từ có giá, xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 3 Điều này.

## **Điều 9. Hỗ trợ thuế**

### **Phương án 1:**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi chuyển từ quy mô siêu nhỏ lên nhỏ, từ quy mô nhỏ lên vừa thì doanh nghiệp đó được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất quy định tại khoản 1 Điều này tối đa trong 03 năm tiếp theo năm đạt được quy mô chuyển đổi. Việc áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **Phương án 2:**

1. Doanh nghiệp vừa theo quy định của Luật này được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nhỏ theo quy định của Luật này được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của Luật này được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi chuyển từ quy mô siêu nhỏ lên nhỏ, từ quy mô nhỏ lên vừa thì doanh nghiệp đó được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn tương ứng mức thuế suất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này tối đa trong 03 năm tiếp theo năm đạt được quy mô chuyển đổi. Việc áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Mức thuế suất và thời hạn áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Điều 10. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất**

1. Căn cứ điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí quỹ đất để quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

##### **Phương án 1:**

2. Căn cứ điều kiện ngân sách nhà nước, cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp thông qua việc giảm trừ tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm.

##### **Phương án 2:**

2. Căn cứ điều kiện ngân sách tại địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các cụm công nghiệp thông qua việc giảm trừ tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm.

#### **Điều 11. Hỗ trợ ươm tạo và nâng cao năng lực công nghệ**

1. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được:

a. Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất như áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b. Được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham gia dưới hình thức hợp tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để thành lập các cơ sở kỹ thuật dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

## **Điều 12. Hỗ trợ mở rộng thị trường**

1. Nhà nước tham gia đầu tư theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để hình thành các chuỗi quốc gia phân phối sản phẩm, trong đó ưu tiên sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, cung ứng.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh chuỗi quốc gia phân phối sản phẩm được:

a. Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất như áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b. Được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tham gia mua sắm công như sau:

a. Gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ tham gia đấu thầu.

b. Gói thầu mua sắm hàng hoá có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ tham gia đấu thầu. Trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hoá có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên thì được ưu đãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c. Việc ưu đãi cho nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d. Nhà thầu chính sử dụng nhà thầu phụ là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ được ưu đãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e. Sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc danh mục sản phẩm sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 13. Hỗ trợ thông tin và tư vấn**

1. Nội dung cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a. Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b. Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường trong nước và xuất khẩu, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp.

c. Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Các thông tin được thu thập và công bố trên trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hiệp hội và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện hoạt động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn doanh nghiệp nhỏ và vừa được thu thập và công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 14. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo cung cấp kiến thức khởi sự kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, bao gồm:

a. Đào tạo khởi sự kinh doanh.

b. Đào tạo quản trị doanh nghiệp.

c. Đào tạo chuyên sâu và đào tạo khác theo nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.



4. Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

***Mục 2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị***

**Điều 15. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh**

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh nhằm thúc đẩy các hộ chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm gia tăng tính minh bạch, cơ hội tiếp cận các nguồn lực và hỗ trợ cho đối tượng này phát triển.

2. Đối tượng hỗ trợ

a. Là hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b. Có hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục tối thiểu 03 năm kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu.

3. Nội dung hỗ trợ

a. Cơ quan đăng ký kinh doanh tư vấn hồ sơ, hỗ trợ thủ tục đăng ký chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Thủ tục đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp đồng thời là thủ tục giải thể hộ kinh doanh.

b. Doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh.

c. Được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

d. Được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 02 năm đầu kể từ khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

đ. Được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

e. Được áp dụng chế độ kế toán đơn giản phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trong thời hạn tối đa là 02 năm.

g. Được hưởng các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng dựa trên giá trị gia tăng cao.

2. Đối tượng hỗ trợ

a. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật này.

b. Các nhà đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 11 Điều 3 của Luật này.

c. Các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Nội dung hỗ trợ

a. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương của nhân lực công nghệ cao làm việc tại doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

b. Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện sản phẩm thử nghiệm và các tiêu chuẩn của sản phẩm, hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; gọi vốn đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ, thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

d. Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, gọi vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

4. Trong từng thời kỳ, Chính phủ thực hiện cấp bù lãi suất để hỗ trợ khoản vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc thực hiện cấp bù lãi suất được thực hiện qua hệ thống ngân hàng thương mại.

5. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

a. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là quỹ hình thành từ vốn góp hợp pháp của các nhà đầu tư tư nhân với mục đích đầu tư vào các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

b. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo thực hiện đầu tư thông qua hình thức góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

nhưng không quá 50% tổng số vốn góp, vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư.

c. Nhà đầu tư góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính, không được sử dụng vốn vay, tài sản đảm bảo, thế chấp để góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Các nhà đầu tư chịu trách nhiệm về vốn góp của mình không vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

d. Tùy theo điều kiện ngân sách, địa phương tham gia góp vốn cùng các quỹ tư nhân để đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo. Vốn góp của địa phương không quá 30% tổng số vốn huy động được và địa phương phải xem xét thoái phần vốn góp tối đa sau 05 năm kể từ thời điểm góp vốn.

e. Các khoản đầu tư của nhà đầu tư cá nhân vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4, khoản 5 Điều này.

### **Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

1. Hỗ trợ thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với tổ chức nghiên cứu, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức hiệp hội, cơ quan có liên quan nhằm giúp doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

2. Đối tượng hỗ trợ

a. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực sản xuất chế biến và sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; có đổi mới sáng tạo liên quan đến vật liệu, quy trình công nghệ, máy móc thiết bị;

b. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong một số ngành, lĩnh vực và sản phẩm cụ thể khác do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ;

3. Điều kiện hỗ trợ: doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động ổn định, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật, đáp ứng tốt nhất các điều kiện trong so sánh với các doanh nghiệp khác.

4. Nội dung hỗ trợ

a. Đào tạo chuyên sâu về trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất tại hiện trường; tư vấn thông tin, quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành;

b. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin doanh nghiệp, nhu cầu đầu vào, đầu ra nhằm thúc đẩy kết nối mạng lưới, liên kết trong chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành;

c. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành;

d. Được hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

đ. Được hưởng các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

e. Được hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật này.

### **Điều 18. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bù đắp chi phí và bảo toàn vốn, thực hiện chức năng:

a. Cho vay, tài trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

b. Tham gia góp vốn cùng các quỹ tư nhân để đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

2. Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **CHƯƠNG III**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **Điều 19. Nội dung quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Xây dựng, ban hành cơ chế chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đào tạo và bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở cấp trung ương và cấp địa phương.

4. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chấp hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Hợp tác quốc tế về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **Điều 20. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hàng năm, Chính phủ dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước để trình Quốc hội xem xét thông qua.

3. Chính phủ có cơ chế khuyến khích, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài nhà nước.

4. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy chế, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành quy định tại mục 2 Chương II Luật này.

## **Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ**

Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Xây dựng, chủ trì hoặc tham gia thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.

4. Hướng dẫn, phổ biến, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện văn bản pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật này.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thực hiện vai trò điều phối chung, đảm bảo thống nhất trong xây dựng và tổ chức triển khai nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.

2. Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Luật này.

b. Định kỳ hàng năm tổng hợp hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức khác có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c. Tổ chức, kiện toàn cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đào tạo và bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở cấp trung ương và cấp địa phương.

d. Xây dựng, vận hành Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, định kỳ công bố thông tin, thống kê về doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ tài chính có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn các chính sách về hỗ trợ thuế, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ chế tài chính đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thủ tục chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận của nhà đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vào và ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

3. Hướng dẫn lập dự toán, tổng hợp dự toán, giao dự toán, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa từ nguồn ngân sách nhà nước.

4. Xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn cơ chế sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Định kỳ công bố thông tin, thống kê về tình hình chấp hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ công thương có trách nhiệm chủ trì ban hành, hướng dẫn cơ chế để nhà nước tham gia đầu tư hình thành các chuỗi quốc gia phân phối sản phẩm.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

1. Chủ trì ban hành, hướng dẫn cơ chế để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham gia dưới hình thức hợp tác công tư thành lập các cơ sở kỹ thuật dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Quy định tỷ lệ kinh phí tối thiểu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các chương trình hỗ trợ liên quan đến khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

1. Chủ trì ban hành, hướng dẫn cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp xử lý nước thải, rác thải, bảo vệ môi trường;

2. Hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

#### **Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì ban hành, hướng dẫn cơ chế hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đào tạo nghề cho lao động làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp.

### **Điều 28. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 21 của Luật này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện việc cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với nội dung hỗ trợ, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ.

2. Khuyến khích các tổ chức tín dụng tăng tỷ lệ dư nợ cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan công khai thông tin phục vụ việc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp và cho vay của các tổ chức tín dụng.

### **Điều 29. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương tham gia góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; quyết định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; quyết định hỗ trợ giá đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh vào khu công nghiệp, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a. Điều phối, đảm bảo thống nhất trong xây dựng và tổ chức triển khai nội dung, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương.

b. Tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c. Xây dựng kế hoạch, chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bố trí nguồn lực triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương theo quy định của Luật này.



d. Kiện toàn cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; giao cơ quan đầu mối trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương.

đ. Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chấp hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

e. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật này.

g. Tôn vinh, khen thưởng các doanh nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích xuất sắc, có sáng tạo trong kinh doanh, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

h. Định kỳ hàng năm, báo cáo về tình hình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các hiệp hội khác**

1. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Phản biện cơ chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với cơ quan quản lý hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, triển khai kế hoạch, chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia giám sát, đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật này.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ công, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; cấp chứng chỉ, chứng nhận chuyên ngành của hiệp hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức sự kiện tôn vinh, bình chọn, phong, tặng danh hiệu, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nhân, tổ chức và cá nhân có thành tích, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội.

6. Huy động các nguồn lực và thực hiện hỗ trợ hội viên là các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật này.

### **Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.

2. Cung cấp các tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với Nhà nước đầu tư thành lập, quản lý và vận hành đơn vị thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở trung ương và địa phương theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 32. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Thực hiện đúng các cam kết đối với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và có nghĩa vụ hoàn trả mọi chi phí hỗ trợ trong trường hợp vi phạm hoặc lợi dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để trục lợi.

2. Hoạt động đúng quy định của pháp luật, tuân thủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Cung cấp thông tin về doanh nghiệp chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 33. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn kinh phí thực hiện, kết quả thực hiện và các thông tin khác có liên quan.

2. Việc công khai được niêm yết công khai, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

3. Việc công khai phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 34. Giám sát hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được giám sát bởi các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, hiệp hội, cá nhân tài trợ.

2. Nội dung giám sát gồm:

a. Việc thực hiện các quy trình, thủ tục và nội dung hỗ trợ; quy trình hoặc phương thức lựa chọn đối tượng hỗ trợ.

b. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ.

c. Việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 35. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện các nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 33 của Luật này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở trung ương được quy định tại Điều 21 của Luật này định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã và đang thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 36. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích xuất sắc, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội thì được bình chọn, phong, tặng danh hiệu, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

#### **Điều 37. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm hoặc lợi dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để trục lợi thì ngoài việc phải hoàn trả mọi chi phí hỗ trợ, doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp không được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước.

3. Trường hợp vi phạm hoặc lợi dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để trục lợi thì các tổ chức, doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ để cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải hoàn trả mọi chi phí hỗ trợ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bị công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Nội dung, chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Nội dung, chương trình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát sinh từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, thực hiện theo quy định của Luật này.

#### **Điều 39. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân bảo đảm hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực thi hành của Luật này.

3. Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư như sau:

a. Bổ sung lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi đầu tư bao gồm: đầu tư kinh doanh chuỗi quốc gia phân phối sản phẩm; đầu tư kinh doanh cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Điều 16 Luật Đầu tư.

b. Bãi bỏ các hình thức hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 19 Luật Đầu tư.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 14 Luật Đấu thầu như sau: doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ được hưởng ưu đãi trong đấu thầu theo quy định tại pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 40. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa... , kỳ họp thứ ... thông qua ngày .... tháng .... năm 20...*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

CHƯƠNG I .....	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng .....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	2
Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	3
Điều 6. Nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	4
Điều 7. Hành vi bị cấm trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	4
CHƯƠNG II.....	4
NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	4
Mục 1. Hỗ trợ cơ bản doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	4
Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng.....	5
Điều 9. Hỗ trợ thuế.....	5
Điều 10. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất.....	6
Điều 11. Hỗ trợ ươm tạo và nâng cao năng lực công nghệ.....	6
Điều 12. Hỗ trợ mở rộng thị trường .....	7
Điều 13. Hỗ trợ thông tin và tư vấn .....	8
Điều 14. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.....	8
Mục 2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị ..	9
Điều 15. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh .....	9
Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.....	9
Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.....	11
Điều 18. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	12
CHƯƠNG III.....	12
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA .....	12
Điều 19. Nội dung quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	12
Điều 20. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ .....	13
Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ .....	13
Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	14
Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính.....	14
Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công Thương .....	15
Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ .....	15
Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.....	15
Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội .....	15
Điều 28. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.....	16
Điều 29. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .....	16
Điều 30. Trách nhiệm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các hiệp hội khác .....	17
Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	17
Điều 32. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	18
Điều 33. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	18
Điều 34. Giám sát hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	19
Điều 35. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	19
Điều 36. Khen thưởng.....	19

Điều 37. Xử lý vi phạm .....	19
<b>CHƯƠNG IV .....</b>	<b>20</b>
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>20</b>
Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp.....	20
Điều 39. Hiệu lực thi hành .....	20
Điều 40. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.....	21